

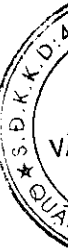


**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU (MÃ CK: SSG)**

Số 12 Đoàn Như Hải phường 12 quận 4 Tp. HCM  
Tel: 08.28.3266254/38266781; Fax: 08.28.38267285  
Website: [www.seagullshipping.com.vn](http://www.seagullshipping.com.vn)  
E-mail: [sesco-opr@hcm.vnn.vn](mailto:sesco-opr@hcm.vnn.vn)

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**

*Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2018*





## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Số 12 Đoàn Như Hải phường 12 quận 4 Tp. HCM

Tel: 08.2838.266.254; Fax: 08.2838.266.712

Website: [www.seagullshipping.com.vn](http://www.seagullshipping.com.vn)


E-mail: [sesco-opr@hcm.vnn.vn](mailto:sesco-opr@hcm.vnn.vn)

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

Mã CK : SSG

## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát: Lịch sử hoạt động của Công ty

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu
- Tên viết tắt : SESCO
- Tên Tiếng Anh : SEAGULL SHIPPING COMPANY
- Biểu tượng của Công ty : 
- Giấy CNĐKKD : Số 4103000083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/06/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07/07/2016.
- Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng*).
- Địa chỉ : Số 12 Đoàn Như Hải, p. 12, Quận 4, Tp. HCM.
- Điện thoại : (84-028) 38266781
- Fax: : (84-028) 382657285
- Webside : [www.seagullshipping.com.vn](http://www.seagullshipping.com.vn)
- Mã cổ phiếu : SSG

**- Quá trình hình thành và phát triển:**

Năm 2000, theo chương trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước của Chính phủ, công ty cổ phần Vận tải biển Hải Âu được thành lập theo quyết định số 29/2000/QĐ-TTg ngày 28/02/2000 của Thủ tướng Chính phủ. Từ một công ty nhà nước trực thuộc Công ty vận tải Biển Việt Nam (Vosco) chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần.

Tại thời điểm cổ phần hóa, tài sản của Công ty cổ phần Vận tải biển Hải Âu là tàu vận tải hàng khô mang tên Southern Star, có tải trọng 6.500 DWT, đóng năm 1983, trị giá tài sản khoảng 13,5 tỷ đồng. Vốn cổ phần là 15.000.000.000 đồng.

Kinh doanh vận tải biển là hoạt động kinh doanh chính. Công ty có đội tàu chuyên chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và vận chuyển hàng hóa giữa các cảng quốc tế. Vùng hoạt động của đội tàu Công ty không hạn chế. Sau 14 năm hoạt động, Hải Âu đã có những bước phát triển nhất định. Khách hàng tin tưởng đội tàu công ty vận chuyển hàng hóa an toàn, đảm bảo chất lượng. Đội tàu công ty từ 01 con tàu trọng tải 6.500 tấn khi thành lập đến cuối năm 2006 đội tàu phát triển thành 04 tàu với tổng trọng tải trên 30.000 tấn. Đến 31/12/2016 đội tàu công ty còn 02 tàu với tổng trọng tải 21.266 tấn, tuổi tàu bình quân 13 tuổi.

Cuối năm 2008, công ty đầu tư mua trụ sở số 12 Đoàn Như Hải phường 12 quận 4 Tp. Hồ Chí Minh. Trong quá trình hoạt động, công ty luôn cố gắng tuân thủ pháp luật tại Việt Nam và pháp luật quốc tế. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, không nợ đọng thuế.

Ngày 05/01/2011, cổ phiếu công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán SSG. Do bị lỗ 3 năm liên tiếp, ngày 15/05/2015, cổ phiếu công ty bị hủy niêm yết tại HNX.

Từ ngày 03/06/2015, cổ phiếu công ty (SSG) niêm yết và đăng ký giao dịch tại thị trường UPCOM.

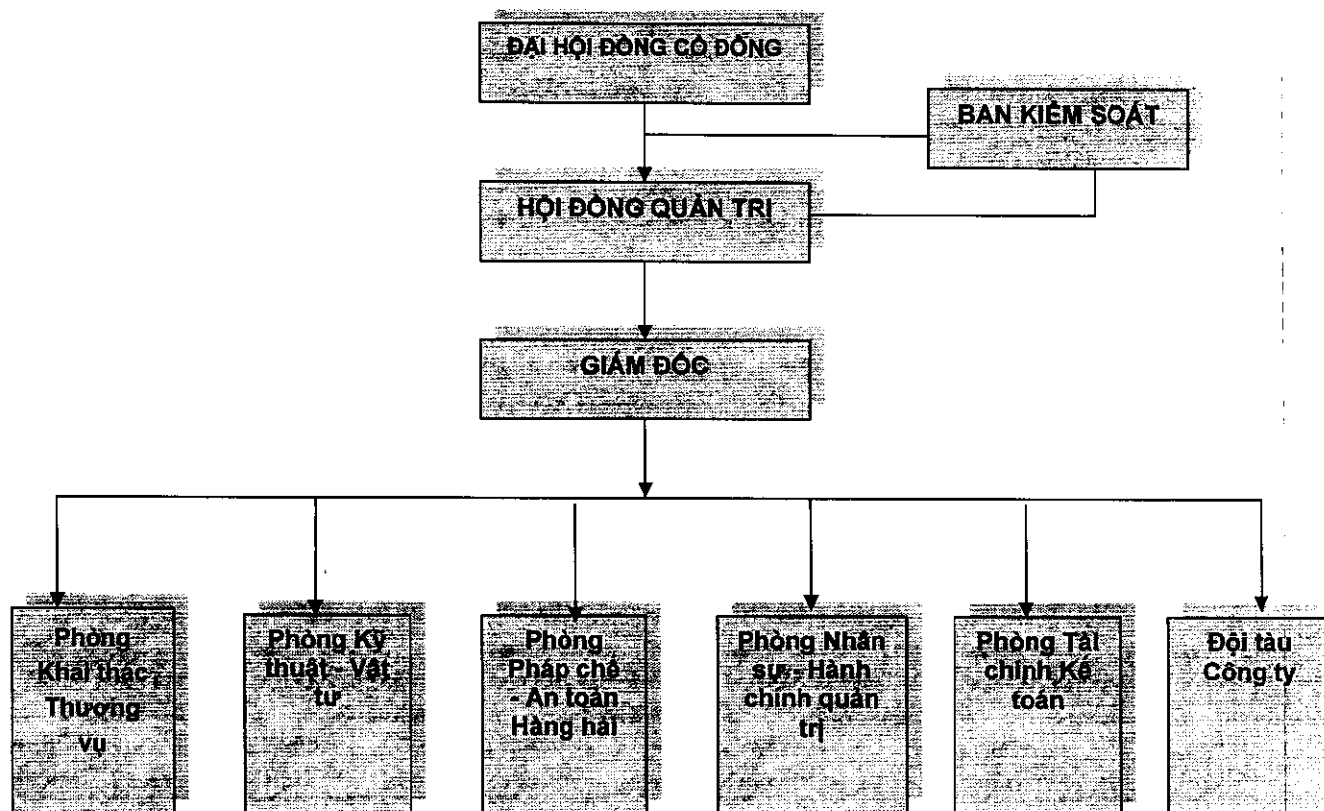
**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là vận tải biển trong và ngoài nước.

- Địa bàn kinh doanh: Vận tải hàng hóa giữa các cảng trong nước, giữa cảng trong nước và quốc tế, giữa các cảng quốc tế. Các tàu của công ty chủ yếu hoạt động ở khu vực Đông Nam Á và Bắc á.

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.**

Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu hoạt động theo Luật doanh nghiệp 2015, Điều lệ Công ty, Bộ Luật Hàng Hải và các luật khác có liên quan



#### 4. Định hướng phát triển

- Công ty cố gắng trẻ hóa, tăng trọng tài đội tàu. Tuy nhiên, hiện nay kinh doanh vận tải biển gặp rất nhiều khó khăn nên tạm thời công ty chưa đầu tư thêm tàu, phát triển các dịch vụ khác.

- Trong quá trình kinh doanh, công ty luôn tuân thủ theo các quy trình quản lý an toàn đảm bảo an toàn đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

#### 5. Các rủi ro:

Sau một thời gian giảm giá, hiện nay giá dầu lại tăng, chi phí nhiên liệu, dầu nhớt là các khoản mục chi phí lớn chiếm trên 40% doanh thu. Giá dầu tăng, chi phí dịch vụ hàng hải tăng, hàng hóa khan hiếm, tàu chạy rỗng nhiều mà giá cước vận tải giảm khiến cho các doanh nghiệp vận tải biển hiện nay gặp rất nhiều khó khăn. Khủng hoảng kinh tế khu vực và thế giới sản xuất đình trệ ảnh hưởng mạnh mẽ đến kinh doanh vận tải biển. Ngoài ra, thời tiết cũng là một yếu tố bất khả kháng ảnh hưởng đến an toàn của con người, tài sản và hàng hóa vận chuyển, thời gian xếp dỡ hàng hóa. Để ngăn ngừa rủi ro, công ty luôn tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm như bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu đối với bên thứ ba, bảo hiểm tai nạn thuyền viên.

## II. Tình hình hoạt động trong năm năm 2017

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017, thị trường kinh doanh vận tải biển vẫn rất ảm đạm. Giá dầu tăng, hàng hóa khan hiếm, tàu phải chạy rỗng nhiều nên hiệu quả kinh doanh thấp nếu tự khai thác nên công ty đã cho thuê định hạn 02 tàu. Tuy nhiên, chỉ có tàu Sea Dream thuê định hạn cả năm, tàu Sea Dragon thuê định hạn 09 tháng, tự khai thác 02 tháng và lên đà sửa chữa lớn 1 tháng.

Công ty đã phải cắt giảm chi tiêu, hạn chế tối đa các chi phí trong quản lý khai thác đội tàu. Ngoài ra phải kể đến sự đồng thuận và gắn bó của cán bộ công nhân viên trong công ty đã chia sẻ khó khăn sát cánh cùng nhau đưa công ty vượt qua giai đoạn khó khăn

*- Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2017:*

SỐ TT	NỘI DUNG	PHÊ DUYỆT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	THỰC HIỆN NĂM 2017	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI PHÊ DUYỆT	SO SÁNH VỚI THỰC HIỆN NĂM 2016
1	Tổng doanh thu vận tải biển (triệu đồng)	40.000	42.059	105,15%	80,62%
2	Quỹ lương (triệu đồng)	8.600	8.672	100,83%	101,94%
3	Mức trích khấu hao tàu	- Tàu Sea Dream: 5% - Tàu Sea Dragon: 6,67%	- Tàu Sea Dream: 5% - Tàu Sea Dragon: 6,67%	- Tàu Sea Dream: 5% - Tàu Sea Dragon: 6,67%	100,00%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN (triệu đồng)	(7.300)	(8.251)	-	(năm 2016 Công ty lỗ 14.834 triệu đồng)

Trong năm 2017 Công ty đã hoàn thành các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty về khấu hao tàu, doanh thu nhưng không hoàn thành được chỉ tiêu quỹ lương và lợi nhuận. Trong đó:

- Tổng doanh thu vận tải đạt 42.059 triệu đồng, bằng 105,15% kế hoạch (40.000 triệu đồng). Kế hoạch doanh thu năm 2017 trên cơ sở 02 tàu cho thuê định hạn. Như vậy tình hình thực hiện kế hoạch doanh thu của Công ty có chiều hướng được cải thiện tích cực hơn.

- Khấu hao tàu Sea Dragon là 6,67% và khấu hao tàu Sea Dream là 5,0%, bằng 100% kế hoạch.

- Mức chi thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát: Không có.

- Quỹ tiền lương quyết toán thực tế là 8.672 triệu đồng bằng 100,83% kế hoạch (8.600 triệu đồng) do tăng lương thuyền viên mặc dù đã tiết giảm chi phí tiền lương của khối Văn phòng (tuy nhiên nếu tính theo tỷ lệ % quỹ lương trên doanh thu thì tình hình thực hiện thực tế là 20,6%, thấp hơn so với kế hoạch là 21,5%).

- Năm 2017 Công ty bị lỗ **8.251 triệu đồng**, trong đó lỗ của hoạt động khai thác tàu là: **4.892 triệu đồng**; lỗ hoạt động tài chính là **3.360 triệu đồng** (lỗ phát sinh do lãi vay là 3.762 triệu đồng).

## 2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành và các cán bộ quản lý:

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Hữu Hoàn	Giám đốc	3,10%
2	Lê Thanh Hà	Kế toán trưởng	0,10%
3	Nguyễn Cao Thắng	Trưởng phòng Khai thác - Thương vụ	0,85%
4	Nguyễn Xuân Lộc	Trưởng Kỹ thuật – Vật tư	0%
5	Trần Ngọc Nam	Trưởng phòng Pháp chế An toàn	0%

- Lý lịch Ban điều hành

### a. Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành

- Họ và tên: Nguyễn Hữu Hoàn
- Giới tính: Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển
- Quá trình công tác:

Từ 1979-1983	Cán bộ Phòng Hàng hải Công ty Vận tải biển Việt Nam
Từ 1983-1988	Cán bộ Phòng Khai thác Thương vụ Công ty Vận tải biển Việt Nam
Từ 1989-1990	Quản trị trưởng tàu Tô Lịch
Từ 1990-1995	Đại diện Công ty Vận tải biển Việt Nam tại Thái Lan, Giám đốc điều hành Công ty liên doanh Vận tải biển TVS tại Bangkok, Thái Lan
Từ 1995-2000	Giám đốc Công ty Vận tải biển Hải Âu, thuộc Công ty Vận tải biển Việt Nam
Từ 2000- 2002	Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu.
Từ 2002-2008	Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải

biển Hải Âu, Phó trưởng ban Kế hoạch Đầu tư Cục  
Hàng hải Việt Nam

Từ 2008 – 2014 Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Điều hành  
Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu.

Từ 2014 – 2015 Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Điều  
hành Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu.

#### **b. Kế toán trưởng**

1. Họ và tên: Lê Thanh Hà
2. Giới tính: nữ
3. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
4. Quá trình công tác:

Từ 1997-1999 : Làm việc tại phòng Tài chính - Kế toán Công ty Vận  
tải biển Việt Nam

Từ 1999-2000 : Làm việc tại Công ty Vận tải biển Hải Âu trực thuộc  
Công ty Vận tải biển Việt Nam

Từ 2000-đến nay : Làm việc tại Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu

- Số lượng nhân viên công ty vào ngày 31/12/2017 là 47 người.

- Chính sách đối với người lao động:

❖ *Chính sách tuyển dụng, huấn luyện và đào tạo:*

Để giảm bớt chi phí trong năm, công ty đã giảm bớt bộ máy quản lý văn phòng. Nâng cao hiệu quả công việc của từng cán bộ công nhân viên, không tuyển thêm người khi người lao động nghỉ. Không bổ sung chức danh Phó Giám đốc kỹ thuật khi cán bộ giữ vị trí này về hưu.

Nhằm đảm bảo số lượng, chất lượng của thuyền viên làm việc trên các con tàu trong điều kiện nặng nhọc nguy hiểm, công ty xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động để bổ sung nguồn nhân lực. Công ty thực hiện chính sách tuyển dụng công khai, rộng rãi, đúng chuyên môn nghiệp vụ. Sau khi tuyển dụng, được Công ty huấn luyện cơ bản nhằm đảm bảo hoàn thành công việc được giao.

❖ *Chính sách bảo đảm an toàn lao động:*

Mọi chức danh làm việc trên tàu đều được huấn luyện và có chứng chỉ an toàn phù hợp, được trang bị phòng hộ cá nhân đảm bảo yêu cầu an toàn. Tổ chức mạng lưới an toàn vệ sinh, đảm bảo đôn đốc, nhắc nhở thực hiện quy trình an toàn trong từng ca làm việc.

❖ *Chính sách tiền lương:*

Quỹ tiền lương không tăng trong khi đó giá nhân công càng ngày càng tăng vì tiền lương, tiền công là đòn bẩy để tăng năng suất lao động và tăng cường hiệu

quả công tác. Để đảm bảo lương cho khối thuyền viên, tiết giảm thiểu chi phí tiền lương, công ty đã giảm lương khối quản lý. Chính sách tiền lương được xây dựng trên cơ sở đảm bảo hài hòa các lợi ích của công ty và Người lao động, phù hợp đặc thù của ngành nghề đi biển và thị trường lao động.

❖ **Chính sách phúc lợi:**

Công đoàn công ty chăm lo đời sống của cán bộ công nhân viên và thuyền viên, thường xuyên thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ. Tất cả các tàu của Công ty đều có phòng câu lạc bộ được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ đời sống tinh thần thuyền viên khi làm việc trong điều kiện nặng nhọc, nguy hiểm.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

Năm 2017 tình hình kinh doanh vận tải biển nói chung và công ty cổ phần Vận tải biển Hải Âu nói riêng chưa có dấu hiệu khởi sắc. Công ty đã tạm dừng không tiếp tục đàm phán, giao dịch với các đơn vị môi giới mua bán tàu.

**4. Tình hình tài chính**

**a. Tình hình tài chính:**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	121.335.697.911	107.959.406.626	88,98%
Doanh thu thuần	52.170.205.312	42.212.928.942	80,91%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(14.831.921.568)	(8.251.414.703)	
Lợi nhuận khác	(2.100.000)	-	
Lợi nhuận trước thuế	(14.834.021.568)	(8.251.414.703)	
Lợi nhuận sau thuế	(14.834.021.568)	(8.251.414.703)	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	

**b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
<b>I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	0,03	0,04
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,02	0,03



Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản (lần)	1,19	1,29
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	-6,34	-4,49
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
- Vòng quay Hàng tồn kho		
Giá vốn hàng bán/ Tồn kho bình quân	40,36	62,57
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản (lần)	0,43	0,39
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</b>		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-28 %	-20 %
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	65%	27 %
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-12%	-8%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	-28 %	-20, %

\* *Về khả năng thanh toán:* Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số khả năng thanh toán nhanh là chỉ số thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn trả nợ. Hệ số khả năng thanh toán công ty năm 2017 tốt hơn 2016.

\* *Về cơ cấu vốn:* Phần lớn nguồn vốn hoạt động của công ty được tài trợ từ nguồn vốn vay. Công ty đã sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức tương đối lớn. Đây cũng là nét đặc trưng của các doanh nghiệp vận tải biển khi đầu tư phát triển và trẻ hóa đội tàu. Vốn vay thường chiếm 70-75% giá tài. Năm 2017, hệ số nợ trên tổng tài sản của công ty tăng so với năm 2016.

\* *Về hiệu quả sinh lời:* Với phương thức cho thuê định hạn, kết quả kinh doanh của công ty đã tốt hơn năm 2016. Số lỗ đã giảm 6.583 triệu đồng so với năm 2017. Khả năng sinh lời của công ty đã được cải thiện.

### **5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

#### **a. Cổ phần**

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 5.000.000 cổ phiếu phổ thông (Năm triệu cổ phiếu).

- Hiện nay Trung tâm lưu ký chứng khoán quản lý sổ cổ đông nên danh sách cổ đông chỉ được cung cấp khi công ty thực hiện việc chốt quyền cổ đông theo luật định.

#### **b. Cơ cấu cổ đông**

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn (Sở hữu từ 5% vốn trở lên) :

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu / Vốn điều lệ
1	Tổng Cty Hàng Hải VN – Công ty TNHH MTV	Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Q.Đống Đa, Hà Nội	26,46%

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu / Vốn điều lệ
2	Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ	Tầng 37, Keangnam Hanoi Landmark tower, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	8,82%
3	Cty CP Quản Lý Quỹ Tín Phát	phòng 305, tầng 3, tháp A, tòa nhà Sky Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa Hà Nội	8,82%
4	Cổ đông nhỏ		55,90%

*c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:*

Trong năm, vốn điều lệ của Công ty không thay đổi: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng) do không phát sinh đợt tăng vốn cổ phần nào.

*d. Giao dịch cổ phiếu quỹ*

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại là 18.810 cổ phiếu. Trong năm không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

*c. Các chứng khoán khác*

- Công ty không có trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...)

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

Ngành nghề kinh doanh của công ty là vận tải biển. Đây là ngành dịch vụ không phải ngành sản xuất nên không có nguyên vật liệu đầu vào.

**6.2 Tiêu thụ năng lượng:**

*a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp:* các tàu khi vận hành khai thác sử dụng dầu D/O và F/O. Ngoài ra trên văn phòng tiêu thụ điện sinh hoạt.

*b. Năng lượng tiết kiệm:*

- Vận hành tàu hoạt động với tốc độ hợp lý để giảm thiểu mức tiêu hao nhiên liệu. Trong sinh hoạt của thuyền viên, tiết kiệm điện để giảm nhiều liệu cho máy đèn.

- Đối với điện sinh hoạt trên văn phòng: Tiết kiệm điện tối đa: Ra vào đóng cửa, tắt đèn. Hạn chế bật điều hòa. Sử dụng các năng lượng thiên nhiên khi điều kiện thời tiết cho phép.

*c. Các báo cáo, sáng kiến, tiết kiệm năng lượng:* Hạn chế sử dụng điều hòa trong khối văn phòng nhằm giảm sự thoát nhiệt ra ngoài không khí và thải khí CO<sub>2</sub>. Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên công ty tạo bóng mát để giảm thiểu công suất làm việc các thiết bị làm mát.

**6.3 Tiêu thụ nước:**

*a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:*

+ Đối với các tàu vận hành trên biển: Nước được mua từ các nhà cung cấp dịch vụ tàu biển khi cập cảng và được dự trữ trong các két nước. Ngoài ra, một số tàu biển có thể sản xuất được nước ngọt từ nước biển. Trung bình mỗi tàu biển sử dụng gần 8 tấn nước/ ngày. Nước được dùng để phục vụ sinh hoạt cho thuyền viên và rửa hầm hàng sau khi dỡ hàng, làm mát máy.

+ Đối với khối văn phòng: Nước được mua từ các công ty cấp nước và phục vụ cá nhân trong thời gian làm việc tại văn phòng. Khối lượng nước sử dụng hàng tháng khoảng 25 m<sup>3</sup>/ tháng.

#### *b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng*

+ Trên các tàu biển, khi chạy biển các tàu có thể lọc được khoảng 4 tấn nước ngọt/ ngày. Lượng nước trung cất này chỉ sử dụng để rửa hầm hàng, tắm giặt không dùng để nấu nướng hay ăn uống.

#### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Do các tàu của công ty hoạt động không giới hạn trên các vùng biển trên thế giới. Chính vì vậy, công ty luôn luôn tuân thủ nghiêm ngặt luật pháp của Việt nam và các nước sở tại trong đó có pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm công ty không bị xử phạt vi phạm vì luôn tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

#### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

##### *a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động*

Số lượng người lao động công ty tại thời điểm 31/12/2017 là 47 người. Mức lương bình quân trên 14 triệu đồng/ người.

##### *b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:*

Người lao động công ty được đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ. Ngoài ra công ty còn tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu với bên thứ ba, tham gia bảo hiểm tai nạn thuyền viên.

Chế độ phúc lợi của người lao động: Công ty tổ chức thăm hỏi, động viên người lao động và gia đình theo đúng quy định của pháp luật.

##### *c) Hoạt động đào tạo người lao động:*

Nghề đi biển là ngành nghề độc hại, nguy hiểm. Các thuyền viên khi nhập tàu đều qua các lớp huấn luyện an toàn từ cơ bản đến nâng cao, cứu sinh, cứu hỏa. Ngoài ra theo quy định của pháp luật, khi trên biển định kỳ người lao động phải tổ chức thực tập cứu sinh, cứu hỏa.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Thuyền viên công ty đảm bảo số giờ đào tạo theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và quốc tế.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động học tập, phát triển chuyên môn. Người lao động có chuyên môn nghiệp vụ cao là nhân tố quan trọng đảm bảo cho họ ổn định công việc và phát triển sự nghiệp.

#### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Hàng năm, công ty hỗ trợ tài chính cho chương trình phát triển cộng đồng do chính quyền, Đảng ủy, công đoàn địa phương nơi công ty đóng trụ sở phát động.

#### 6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

##### a. Doanh thu:

###### + Doanh thu vận tải

Năm 2017 tổng doanh thu vận tải đạt 42.059 triệu đồng bằng 100,15% so với kế hoạch (8.600 triệu đồng) và bằng 80,62% so với năm 2016 (52.170 triệu đồng). Khi xây dựng kế hoạch doanh thu năm 2017, HĐQT và Ban điều hành dựa vào doanh thu cho thuê định hạn cả 2 tàu.

Tàu Sea Dream cho thuê định hạn cả năm 2017 với giá cước thuê tàu giảm 10% so với năm 2016. Doanh thu đạt 22.378 triệu đồng bằng 96,45% so với kế hoạch (23.200 triệu đồng) và bằng 110,15% so với năm 2016 (20.316 triệu đồng).

Tàu Sea Dragon cho thuê định hạn 9 tháng trong năm 2017, tự khai thác 3 chuyến và lên đà định kỳ 1 tháng (9/8-8/9/2017). Sau khi rời đà, tàu Sea Dragon tiếp tục cho thuê định hạn với giá thuê tăng 9%. Năm 2016, tàu Sea Dragon tự khai thác 18 chuyến, cho thuê định hạn 1,5 tháng. Doanh thu năm 2017 đạt 19.681 triệu đồng bằng 117,15% so với kế hoạch (16.800 triệu đồng) và bằng 61,79% so với năm 2016 (31.854 triệu đồng).

###### + Doanh thu cho thuê một phần trụ sở

Từ 01/07/2017, công ty đã thu hẹp các phòng ban để cho thuê 4 phòng. Tổng thu là 28,349 triệu đồng/tháng.

##### b. Chi phí

###### + Chi phí tiền lương

Năm 2017, công ty đã chi trả cho người lao động 8.672 triệu đồng bằng 100,83% so với phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông (8.600 triệu đồng) bằng 101,94% so với 2016 (8.507 triệu đồng) do tăng lương thuyền viên. Chi phí tiền lương tàu Sea Dragon là 3.421 triệu đồng tăng 6,15% so với kế hoạch (3.300 triệu đồng); Tàu Sea Dream là 3.416 triệu đồng tăng 0,74% so với kế hoạch (3.400 triệu đồng). Chi phí tiền lương văn phòng là 1.835 triệu đồng giảm 3,44% so với kế hoạch (1.900 triệu đồng). Công ty đã giảm 65 triệu đồng chi phí tiền lương văn phòng. Để giảm chi phí tiền lương thuyền viên công ty đã phải thuê thuyền viên

án độ với giá rẻ hơn, đồng thời buộc phải tăng lương một số chức danh của thuyền viên từ tháng 7/2017.

Hiện nay, so với các công ty vận tải biển cùng quy mô trong nước, cùng ngành nghề, quy mô và cỡ tàu, vùng hoạt động một số chức danh lương thuyền viên công ty thấp hơn.

**+ Khấu hao cơ bản**

Khấu hao cơ bản đối với hai tàu bình quân là 5,62%/ nguyên giá bằng 100% kế hoạch. Tàu Sea Dream khấu hao ở mức 5% / nguyên giá; tàu Sea Dragon ở mức 6,67%. Giá trị còn lại của tàu Sea Dream là 33.652 triệu đồng bằng 18,97% nguyên giá; Giá trị còn lại của tàu Sea Dragon là 45.212 triệu đồng bằng 42,80% nguyên giá;

**+ Chi phí nhiên liệu, phụ tùng vật tư**

Chi phí nhớt, phụ tùng vật tư năm 2017 tàu Sea Dragon là 2.770 triệu đồng bằng 126,54 % so với cùng kỳ năm trước (2.189 triệu đồng), tàu Sea Dream là 1.955 triệu đồng bằng 96,97% so với năm 2016 (2.016 triệu đồng). Tổng chi phí nhớt, phụ tùng vật tư 2 tàu năm 2017 là 4.725 triệu đồng bằng 112,39% so với cùng kỳ năm trước (4.204 triệu đồng) và bằng 120% so với kế hoạch (3.938 triệu đồng). Tàu Sea Dragon lên đà sửa chữa nên chi phí vật tư tăng cao. Tàu Sea Dream cho thuê định hạn gần cả năm nhưng có về Việt Nam nên chi phí phụ tùng vật tư giảm hơn so với năm 2016, ngoài ra các biện pháp thắt chặt quản lý dầu nhớt, phụ tùng, vật tư đã phát huy hiệu quả

**+ Sửa chữa tàu**

Từ ngày 08/08 đến 08/09/2017, tàu Sea Dragon lên đà tại Công ty TNHH MTV đóng tàu Phà rừng. Trong thời gian lên đà, nhiều hạng mục phải thuê ngoài nhưng thuyền viên đã tự làm với chi phí thấp hơn. Do tài chính hạn hẹp nên công ty đã cố gắng tiết kiệm tối đa các hạng mục sửa chữa nhưng vẫn đạt được các tiêu chuẩn về an toàn theo yêu cầu của cơ quan đăng kiểm.

**c. Lợi nhuận:**

- Năm 2017 Công ty bị lỗ 8.251 triệu đồng, năm 2016 lỗ 14.834 triệu đồng. Số lỗ đã giảm 6.583 triệu đồng. Tuy nhiên vẫn không hoàn thành kế hoạch vì kế hoạch đề ra trong năm 2017 chỉ lỗ 7.300 triệu đồng. Do tàu Sea Dragon không cho thuê định hạn cả năm mà công ty phải tự khai thác 3 chuyến trong thời gian 2 tháng. Thời gian sửa chữa tàu dài hạn dự kiến 10 ngày do thời tiết xấu và phát sinh một số hạng mục ngoài kế hoạch.

**\* Những tiến bộ công ty đã đạt được.**

Giảm các khoản mục chi phí để giảm lỗ. Tuy nhiên công ty vẫn tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Công ty còn mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu (P&I); bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm tai nạn, sức khỏe thuyền viên với tổng giá trị tài sản mua bảo hiểm hợp lý để phòng rủi ro.

Nguồn thu Công ty đã thu đủ, thu hết. Dòng vốn lưu động đã bớt căng thẳng. Công ty đã giảm dần thời gian nợ khách hàng. Như vậy dù có nhiều cố gắng về các chỉ tiêu nêu trên nhưng Công ty vẫn không đạt kế hoạch về chỉ tiêu lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24/04/2017 đã thông qua. Tuy nhiên số lỗ (8.252 triệu đồng) đã giảm nhiều bằng 55,62% so với năm 2017 (14.834 triệu đồng). Đây cũng là thực trạng chung của các doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển hiện nay nhất là các doanh nghiệp đầu tư vay USD để mua tàu, nhưng cũng cho thấy có những dấu hiệu về xu hướng tích cực hơn trong hoạt động kinh doanh.

## **2. Tình hình tài chính năm 2017**

### **a. Tình hình tài sản**

Tổng tài sản của Công ty là: **107.959 triệu đồng** (bằng 88,98 % so với năm trước), trong đó một số tài sản chủ yếu như sau:

+ Tổng tài sản ngắn hạn: **5.384 triệu đồng**, chiếm **4,99%** tổng tài sản. Các tài sản chủ yếu là: Tiền và các khoản tương đương tiền (*340 triệu đồng*); Các khoản phải thu ngắn hạn (*1.488 triệu đồng*); Nguyên, vật liệu tồn kho (*911 triệu đồng*), Tài sản ngắn hạn khác (*2.645 triệu đồng*).

+ Giá trị còn lại của tài sản cố định là: **91.443 triệu đồng**, chiếm **84,70%** tổng tài sản. Các tài sản cố định chủ yếu là tàu và trụ sở Công ty, cụ thể như sau:

- Tàu Sea Dream: nguyên giá là: 177.361 triệu đồng, giá trị còn lại là: 33.652 triệu đồng (bằng 18,97% nguyên giá).

- Tàu Sea Dragon: nguyên giá là: 105.623 triệu đồng, giá trị còn lại là: 45.212 triệu đồng (bằng 42,80% nguyên giá).

- Công ty đã thực hiện mua bảo hiểm cho các tài sản và tàu của Công ty với tổng giá trị tài sản mua bảo hiểm hợp lý để phòng ngừa rủi ro.

- Trụ sở Công ty tại số 12, đường Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4 thành phố Hồ Chí Minh: Nguyên giá (hữu hình và vô hình): 13.919 triệu đồng, giá trị còn lại: 12.579 triệu đồng (bằng 90,37% nguyên giá). Trong đó: nguyên giá vô hình quyền sử dụng đất 6.684 triệu đồng không trích khấu hao theo quy định của Bộ Tài chính.

c) Các khoản chi phí trả trước dài hạn là: **10.910 triệu đồng**, chiếm **10,11%** tổng tài sản.

### **b. Nợ phải trả**

Tổng nợ phải trả là: **138.918 triệu đồng**, chiếm **128,68%** tổng nguồn vốn chủ yếu là:

+ Vay và nợ ngắn hạn là 105.243 triệu đồng.

Trong năm 2017, công ty đã trả được 195.000 USD nợ gốc vay đầu tư đội tàu. Do tàu Sea Dragon lên đà sửa chữa lớn tại công ty TNHH MTV Đóng tàu Phà rừng nên công ty phải vay ngắn hạn là 1.565,8 triệu đồng.

+ Phải trả cho người bán là **3.167 triệu đồng** (chủ yếu là tiền mua nguyên - vật liệu, sửa chữa tàu).

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:**

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty trong giai đoạn hiện nay và trong những năm tới, cán bộ nhân viên trong công ty không ngừng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ quản lý. Ban điều hành chú trọng đến việc bổ nhiệm các cán bộ trẻ, có năng lực vào các vị trí quan trọng trong các phòng nghiệp vụ của công ty để các cán bộ này có điều kiện cọ sát thực tế để kể cận.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Tình hình thị trường kinh doanh vận tải biển năm 2018 chưa có dấu hiệu khởi sắc nên đầu tư mua tàu trong giai đoạn này cần phải tính toán, cân nhắc kỹ lưỡng về nguồn hàng, tuyến khai thác và chi phí khai thác, vận doanh tàu. Trước tình hình này, Công ty đề xuất chưa thực hiện chủ trương đầu tư đóng mới hay mua tàu đã qua sử dụng trong năm 2018.

### **5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường, xã hội của công ty**

#### **a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng...)**

Việc tiết kiệm nước, năng lượng không chỉ giảm chi phí, giảm giá thành vận tải mà còn bảo vệ môi trường. Sau khi đã nhận thức được điều này, người lao động công ty nâng cao tinh thần tiết kiệm khi tàu trên biển thuyền viên trung cất nước biển lấy nước ngọt dự trữ trong các két của tàu. Vận hành tàu chạy với tốc độ kinh tế để giảm tiêu hao nhiên liệu mà vẫn đảm bảo yêu cầu khai thác. Ngoài ra trong sinh hoạt hằng ngày, thuyền viên cũng tiết kiệm nước ngọt, tiết kiệm điện hơn trước.

Số lượng điện, nước tiêu thụ trong năm 2016 đã giảm hơn do người lao động trên văn phòng đã có ý thức trong việc tiết kiệm điện, nước.

#### **b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:**

Các chế độ chính sách liên quan đến người lao động phù hợp với pháp luật hiện hành giúp người lao động yên tâm làm việc, gắn bó với doanh nghiệp.

#### **c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của DN đối với cộng đồng địa phương**

Tham gia đầy đủ các chương trình hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác thông qua hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng. Từ đó định hướng cho người lao động công ty có ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương nơi làm việc và nơi sinh sống.

## **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

#### **a. Kinh doanh:**

Năm 2017, phương thức cho thuê định hạn hai tàu đã giúp cho công ty giảm lỗ. Mặc dù tàu Sea Dragon lên đà sửa chữa lớn định kỳ; trả gốc vay ngân hàng. Giám đốc điều hành chủ động tìm kiếm nguồn vay ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động duy trì hoạt động liên tục.

### *b. An ninh – an toàn hàng hải*

Trong năm 2017 nhiều lần PSC kiểm tra tại các cảng phát hiện một số khiếm khuyết. Công ty đã khắc phục kịp thời để tránh mất ngày tàu đồng thời phân tích, làm rõ nguyên nhân để rút kinh nghiệm.

### *c. Bảo hiểm tàu*

Công ty đã tham gia đầy đủ Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu, Bảo hiểm thân vỏ tàu, Bảo hiểm tai nạn thuyền viên.

### *d. Công tác thuyền viên*

Công ty đã kịp thời thuê thuyền viên Ấn độ khi nguồn thuyền viên Việt nam khan hiếm đảm bảo cho tàu vận hành an toàn, đủ định biên.

Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn cho người lao động để bảo đảm quyền lợi cho người lao động

### *c. Thuế và lệ phí*

Công ty hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước đầy đủ, đúng hạn.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Giám đốc Điều hành là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị nên việc thực thi các nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty được triển khai nhanh chóng, thuận lợi. Để giảm lỗ trong giai đoạn hiện nay, công ty triệt để chi tiêu, hạn chế tối đa các chi phí phát sinh trong khai thác tàu. Việc cung cấp, tiêu thụ nhiên liệu, vật tư phụ tùng được Công ty giám sát chặt chẽ, lựa chọn nhà cung cấp với giá cả phù hợp, chất lượng. Công tác quản lý tài chính, bảo toàn vốn được thực hiện đúng chính sách, qui định của nhà nước. Quản lý tốt các nguồn thu chi của Công ty, thực hiện đầy đủ các chế độ nghĩa vụ nộp thuế ngân sách cho nhà nước.

Tình hình kinh doanh vận tải biển vẫn còn nhiều khó khăn, áp lực tỷ giá đô-la Mỹ tăng so với đồng Việt Nam sẽ tăng thêm chi phí tài chính cho Công ty, dòng tiền để đảm bảo khả năng thanh toán vẫn là áp lực lớn đối với Công ty nên Công ty cần tiếp tục có các giải pháp kinh doanh phù hợp với biến động của thị trường và dự kiến cân đối đủ nguồn tài chính cho việc kinh doanh liên tục.

Năm qua là năm khó khăn trong kinh doanh vận tải biển, Giám đốc và cán bộ công nhân viên công ty đã nhiều cố gắng để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ mà HĐQT, Đại hội đồng cổ đông giao phó, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty không bị gián đoạn và tuân thủ đúng pháp luật.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

### **3.1. Kế hoạch năm 2018:**

#### *a. Những chỉ tiêu chính*



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2017 (triệu đồng)	So KH 2018/2017
1	Tổng doanh thu vận tải	43.720	42.059	102,95%
2	Khấu hao cơ bản: Tỷ lệ (%)	5,62%	5,62%	100,00%
	<i>Thành tiền</i>	<i>15.913</i>	<i>15.913</i>	<i>100,00%</i>
	<i>Tàu Sea Dream</i>	<i>5,00%</i>	<i>5,00%</i>	<i>100,00%</i>
	<i>Tàu Sea Dragon</i>	<i>6,67%</i>	<i>6,67%</i>	<i>100,00%</i>
3	Quỹ lương	8.900	8.671	102,64%
4	Lợi nhuận sau thuế	(2.829)	(8.251)	
5	Thù lao HĐQT	0	0	
6	Mức chia cổ tức	0	0	

Cuối quý 1 năm 2018, tỷ giá dollar Mỹ lại biến động mạnh. Đây là một áp lực đối với các doanh nghiệp có tài sản hình thành từ vốn vay USD dài hạn như công ty Hải Âu. Trong năm 2018, công ty tiếp tục xây dựng kế hoạch kinh doanh trên cơ sở 02 tàu cho thuê định hạn. Ban Điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên công ty sẽ cố gắng hết sức để kết quả kinh doanh năm 2018 tốt nhất.

## 2. Về xử lý nợ và tài sản đảm bảo là tàu Sea Dragon

Do tàu Sea Dragon khai thác không hiệu quả, HĐQT tiếp tục đề nghị ĐHĐCD ủy quyền quyết định việc xử lý nợ với khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Á có tài sản đảm bảo là tàu Sea Dragon trong năm 2018, nhằm giảm áp lực tài chính và giảm nghĩa vụ trả nợ vào giao cho Hội đồng Quản trị quyết định điều chỉnh kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2018, bao gồm cả việc điều chỉnh về kết quả kinh doanh và báo cáo lại tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất.

## 2. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2018:

- Cố gắng duy trì ổn định mọi dịch vụ, mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, phấn đấu đạt kết quả kinh doanh vận tải biển có lãi và bù đắp được chi phí lãi vay.
- Triệt để tiết kiệm chi phí, duy trì chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh công tác tìm kiếm thêm khách hàng để tăng doanh thu, giảm lỗ.
- Thực hiện các giải pháp phù hợp nhằm giảm bớt áp lực về tài chính và dòng tiền cho hoạt động kinh doanh; đảm bảo cho công ty được hoạt động liên tục.
- Đảm bảo công ăn việc làm, đời sống người lao động và lợi ích của các cổ đông.

– Nghiên cứu triển khai dịch vụ quản lý tàu thuê nhằm tăng thêm thu nhập, tạo công ăn việc làm cho người lao động

## V. Quản trị công ty:

### 1. Hội đồng quản trị

#### a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Hội đồng quản trị	Tỷ lệ sở hữu / Vốn điều lệ
1	Bùi Mạnh Cường _ Chủ tịch HĐQT _ Đại diện phần vốn Tổng Cty Hàng Hải VN – Công ty TNHH MTV	26,46%
2	Nguyễn Hữu Hoàn- Phó chủ tịch HĐQT	3,08%
3	Trần Ngọc Sơn- Đại diện phần vốn Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ	8,82%
4	Đặng Hồng Trường	0,10%
5	Trần Đình Thắng	0,00%

#### b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị công ty có 05 Thành viên trong đó 01 thành viên trực tiếp tham gia điều hành, 04 thành viên còn lại không trực tiếp tham gia điều hành. Do công ty có quy mô hoạt động nhỏ nên Hội đồng quản trị đã bầu ra 1 thành viên không trực tiếp tham gia điều hành phụ trách về nhân sự và lương.

#### c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

+ Các cuộc họp của HĐQT và các nghị quyết, quyết định của HĐQT

Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp với chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập chi tiết rõ ràng và lưu giữ đầy đủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Các nghị quyết, quyết định được Hội đồng Quản trị Công ty ban hành sát sao, kịp thời giúp Ban Điều hành thực hiện được hầu hết các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2017.

+ Kết quả giám sát đối với Giám đốc Điều hành

Giám đốc Điều hành là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị nên việc thực thi các nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty được triển khai nhanh chóng, thuận lợi. Để tăng lợi nhuận trong giai đoạn hiện nay, Ban Điều hành đã thực hiện sát sao chính sách cắt giảm chi tiêu, hạn chế tối đa các chi phí phát sinh trong khai thác tàu. Việc cung cấp, tiêu thụ nhiên liệu, vật tư phụ tùng được Công ty giám sát chặt chẽ tránh lãng phí, thất thoát. Công tác quản lý tài chính, bảo toàn phát triển nguồn vốn được thực hiện đúng chính sách, qui định của nhà nước. Quản lý tốt các nguồn thu chi của Công ty, thực hiện đầy đủ các chế độ nghĩa vụ nộp thuế ngân sách cho nhà nước.

Trong năm vừa qua, Giám đốc và các thành viên trong Ban điều hành đều tích cực, có nhiều cố gắng trong công tác chỉ đạo điều hành, cùng tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà HĐQT, ĐHĐCĐ giao phó, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty không bị gián đoạn và tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, các qui chế nội bộ của Công ty; thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ.

+ Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý

Đội ngũ cán bộ quản lý công ty và các sỹ quan thuyền viên mẫn cán, đồng lòng cùng Giám đốc điều hành cố gắng hết mình thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông. Trong năm qua, tuy luôn phải đối mặt với những khó khăn để giảm chi phí trong hoạt động của ngành vận tải biển nhưng Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định về an toàn trong hoạt động khai thác tàu, hàng hóa và con người. Hội đồng Quản trị đã có sự phối hợp công tác tốt với Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty.

## 2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

STT	Ban Kiểm soát	Tỷ lệ sở hữu / Vốn điều lệ
1	Lê Hải Phong - Trưởng ban	0,43%
2	Nguyễn Minh Lộc	2,30%
3	Nguyễn Phương Liên	0,63%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Tham gia các cuộc họp Hội đồng Quản trị Công ty khi được mời.
- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát định kỳ hoạt động quản lý, điều hành kinh doanh, tình hình tài chính, việc chấp hành các chế độ quy định của Nhà nước và các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

+ Kết quả giám sát Hội đồng quản trị

Qua việc giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát xin báo cáo kết quả như sau:

- Hội đồng Quản trị Công ty đã tiến hành các cuộc họp định kỳ và bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định để triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các Thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp đầy đủ hoặc tham dự họp thông qua ủy quyền tại các cuộc họp cũng như tham gia ý kiến đối với các vấn đề xin ý kiến bằng văn bản của Hội đồng Quản trị.

- Hội đồng Quản trị đã hành động có trách nhiệm và vì công việc chung.

- Ban Kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành để lựa chọn, ký kết với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2017 của Công ty theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của pháp luật.

- Khi tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được cung cấp các tài liệu của cuộc họp.

- Ban Kiểm soát thấy Hội đồng Quản trị đã có nỗ lực trong công tác quản lý Công ty trong điều kiện ngành vận tải biển Việt Nam liên tục gặp rất nhiều khó khăn trong thời gian qua.

+ *Kết quả giám sát Ban điều hành*

- Giám đốc và Lãnh đạo các Phòng Ban đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết và Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty.

- Ban Điều hành đã có những đề xuất và quyết định phù hợp, chủ động theo tình hình thực tế để duy trì hoạt động của Công ty trong các điều kiện vô cùng khó khăn của thị trường vận tải biển.

- Ban Điều hành đã hành động vì lợi ích của cổ đông và của Công ty; không có xung đột lợi ích của cổ đông, của Công ty với lợi ích của cá nhân. Các hoạt động của Ban Điều hành và Lãnh đạo các Phòng, Ban Công ty tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ, quy định của Công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017, Công ty không chi thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

**VI. Báo cáo tài chính**

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư Vấn RSM Việt Nam đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 và phát hành Báo cáo Kiểm toán vào ngày 10 tháng 03 năm 2018.

**1. Ý kiến kiểm toán:** “*Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính*”.

**Các vấn đề cần nhấn mạnh:** “*Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.5 trong báo cáo tài chính về khoản lỗ tích lũy đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 vượt vốn chủ sở hữu số tiền là 30.959.052.770 VND và nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản số tiền là 30.930.742.770 VND. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh 2.5, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty*”.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

Mẫu số B 01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	T M	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.383.721.124</b>	<b>3.943.427.935</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>340.121.885</b>	<b>113.181.532</b>
1. Tiền	111		340.121.885	113.181.532
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.488.247.288</b>	<b>1.166.295.027</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	152.341.970
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		613.432.301	682.893.437
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.2	874.814.987	331.059.620
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.3	<b>910.670.123</b>	<b>1.021.676.975</b>
1. Hàng tồn kho	141		910.670.123	1.021.676.975
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.644.681.828</b>	<b>1.642.274.401</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		360.667.759	575.495.946
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.284.014.069	1.066.778.455
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>102.575.685.502</b>	<b>117.392.269.976</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>17.000.000</b>	<b>17.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		17.000.000	17.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>91.443.125.595</b>	<b>107.500.943.823</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	84.759.305.595	100.817.123.823
Nguyên giá	222		290.328.363.661	290.328.363.661
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(205.569.058.066)	(189.511.239.838)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.5	6.683.820.000	6.683.820.000
Nguyên giá	228		6.683.820.000	6.683.820.000
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>205.155.121</b>	<b>205.155.121</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		205.155.121	205.155.121
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.910.404.786</b>	<b>9.669.171.032</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	10.910.404.786	9.669.171.032
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>107.959.406.626</b>	<b>121.335.697.911</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>138.918.459.396</b>	<b>144.043.335.978</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>138.890.149.396</b>	<b>144.043.335.978</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	3.167.318.225	6.536.463.443
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.871.182	24.953.228
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		1.716.000	750.000
4. Phải trả người lao động	314	4.8	1.711.206.161	2.599.521.600
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.9	27.311.850.197	23.615.278.140
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.10	1.422.837.581	1.437.314.517
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.11	105.242.710.000	109.807.415.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.640.050	21.640.050
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>28.310.000</b>	-
1. Phải trả dài hạn khác	337		28.310.000	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	4.12	<b>(30.959.052.770)</b>	<b>(22.707.638.067)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>(30.959.052.770)</b>	<b>(22.707.638.067)</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(188.100.000)	(188.100.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(80.770.952.770)	(72.519.538.067)
LNST lũy kế đến cuối năm trước	421a		(72.519.538.067)	(57.685.516.499)
LNST năm nay	421b		(8.251.414.703)	(14.834.021.568)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>107.959.406.626</b>	<b>121.335.697.911</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	M S	TM	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	42.212.928.942	52.170.205.312
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		42.212.928.942	52.170.205.312
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	43.244.123.730	57.397.154.173
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.031.194.788)	(5.226.948.861)
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		416.062.550	1.048.432.066
6. Chi phí tài chính	22	5.3	3.775.939.629	6.224.151.266
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		3.762.236.106	3.918.044.547
7. Chi phí bán hàng	25	5.4	1.003.487.803	1.277.228.322
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	2.856.855.033	3.152.025.185
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.251.414.703)	(14.831.921.568)
10. Thu nhập khác	31		627.827.081	1.697.699.388
11. Chi phí khác	32		627.827.081	1.699.799.388
12. Lợi nhuận khác	40		-	(2.100.000)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.251.414.703)	(14.834.021.568)
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(8.251.414.703)	(14.834.021.568)
15. Lãi/(Lỗ) cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70		(1.657)	(2.978)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	M S	T M	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		(8.251.414.703)	(14.834.021.568)
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>		5.6		
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		16.057.818.228	16.057.818.228
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(332.844.171)	2.261.952.734
Chi phí lãi vay	06	5.3	3.762.236.106	3.918.044.547
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>11.235.795.460</b>	<b>7.403.793.941</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.539.941.529)	6.860.742.957
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		111.006.852	801.172.988
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.240.604.940)	(1.971.952.594)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.026.405.567)	(2.253.945.307)
Tiền lãi vay đã trả	14		(66.747.736)	(300.480.554)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(14.000.000)	(61.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.459.102.540</b>	<b>10.478.331.431</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	-
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	2.195.800.000	1.368.675.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(6.427.956.096)	(13.073.732.480)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.232.156.096)	(11.705.057.480)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>226.946.444</b>	<b>(1.226.726.049)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		113.181.532	1.340.066.081
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(6.091)	(158.500)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>	5.1	<b>340.121.885</b>	<b>113.181.532</b>



# **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

## **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000083 ngày 01 tháng 06 năm 2000 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 07 tháng 07 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 47 (31/12/2016: 47).

## **1.2 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải biển trong và ngoài nước;
- Thực hiện các giao dịch đại lý: tàu biển, giao nhận vận tải đa phương thức;
- Môi giới hàng hải; Cung ứng tàu biển; Kinh doanh xuất nhập khẩu.

## **1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

# **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

## **2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

## **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

## **2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

## **2.5 Giả định hoạt động liên tục**

Công ty có khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 vượt quá vốn điều lệ số tiền là 30.959.052.770 VND và nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản số tiền là 30.930.742.770 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư.

Vào ngày phát hành báo cáo tài chính năm 2017 không có lý do gì để Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

#### **3.1 Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá theo từng ngân hàng phát sinh giao dịch.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### **3.2 Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### **3.4 Nợ phải thu**

##### *Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

#### **3.5 Hàng tồn kho**

##### *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

#### ***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **3.6 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

#### ***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- |                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc         | 50 năm      |
| ▪ Máy móc thiết bị               | 05 năm      |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 - 20 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 03 năm      |

### **3.7 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*** : Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

## *Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình*

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

### **3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến yếu tố chi phí liên quan đến mua vật tư và chi phí sửa chữa tàu. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm tài sản,...)
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

### **3.9 Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### **3.10 Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

### **3.11 Nguồn vốn chủ sở hữu**

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **3.12 Doanh thu**

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

### **3.13 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### **3.14 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

### **3.15 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên, hoa hồng,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

### **3.16 Thuế**

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

#### ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

#### ***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế hiện hành.

#### ***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 3.17 Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### 3.18 Lãi/ (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu

Lãi/ (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

## 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	67.431.322	99.248.993
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	272.690.563	13.932.539
<b>Cộng</b>	<b>340.121.885</b>	<b>113.181.532</b>

### 4.2 Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	145.776.000	-	86.391.720	-
Phải thu khác	729.038.987	-	244.667.900	-
<b>Cộng</b>	<b>874.814.987</b>	<b>-</b>	<b>331.059.620</b>	<b>-</b>

### 4.3 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	910.670.123	-	1.021.676.975	-

#### 4.4 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Nguyên giá:</i>					
Tại ngày 01/01/2017	7.235.675.183	40.826.894	282.983.929.144	67.932.440	290.328.363.661
Tại ngày 31/12/2017	<u>7.235.675.183</u>	<u>40.826.894</u>	<u>282.983.929.144</u>	<u>67.932.440</u>	<u>290.328.363.661</u>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế:</i>					
Tại ngày 01/01/2017	1.195.768.160	40.826.894	188.206.712.344	67.932.440	189.511.239.838
Khấu hao trong năm	144.713.508	-	15.913.104.720	-	16.057.818.228
Tại ngày 31/12/2017	<u>1.340.481.668</u>	<u>40.826.894</u>	<u>204.119.817.064</u>	<u>67.932.440</u>	<u>205.569.058.066</u>

#### *Giá trị còn lại:*

Tại ngày 01/01/2017	6.039.907.023	-	94.777.216.800	-	100.817.123.823
Tại ngày 31/12/2017	<u>5.895.193.515</u>	<u>-</u>	<u>78.864.112.080</u>	<u>-</u>	<u>84.759.305.595</u>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 78.864.112.080 VND đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.11.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 108.759.334 VND.

#### 4.5 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

##### Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất lâu dài tại số 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### 4.6 Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí sửa chữa tàu	8.018.687.906	6.692.133.742
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	2.891.716.880	2.977.037.290
<b>Cộng</b>	<b>10.910.404.786</b>	<b>9.669.171.032</b>

#### 4.7 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MKP Shipping	665.865.700	665.865.700	698.216.400	698.216.400
Công ty TNHH TM DV CN Nguyễn Hưng	578.061.000	578.061.000	839.272.500	839.272.500
Công ty TNHH Sửa chữa - tàu biển ánh Dương	223.655.750	223.655.750	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	1.699.735.775	1.699.735.775	4.998.974.543	4.998.974.543
<b>Cộng</b>	<b>3.167.318.225</b>	<b>3.167.318.225</b>	<b>6.536.463.443</b>	<b>6.536.463.443</b>

#### 4.8 Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn phải trả cho một số thuyền viên.

#### 4.9 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí bảo hiểm tàu	132.824.897	131.741.210
Chi phí lãi vay	27.179.025.300	23.483.536.930
<b>Cộng</b>	<b>27.311.850.197</b>	<b>23.615.278.140</b>



#### 4.10 Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ	196.584.090	185.558.779
Cò tức	807.073.600	807.073.600
Thuế thu nhập cá nhân tạm khấu trừ	290.938.079	297.119.079
Các khoản phải trả, phải nộp khác	128.241.812	147.563.059
<b>Cộng</b>	<b>1.422.837.581</b>	<b>1.437.314.517</b>

#### 4.11 Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.565.800.000	1.565.800.000	2.195.800.000	1.998.675.000	1.368.675.000	1.368.675.000
Vay dài hạn đến hạn trả	103.676.910.000	103.676.910.000	-	4.761.830.000	108.438.740.000	108.438.740.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>105.242.710.000</b>	<b>105.242.710.000</b>	<b>2.195.800.000</b>	<b>6.760.505.000</b>	<b>109.807.415.000</b>	<b>109.807.415.000</b>

Vay ngắn hạn là khoản vay cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, không có thế chấp, không có thời hạn vay cụ thể và chịu lãi suất từ 10%/năm.

Vay dài hạn là các khoản vay ngân hàng bằng USD nhằm mục đích mua và đóng các tàu kinh doanh vận tải biển, được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay (là các con tàu Sea Dream, Sea Dragon). Các khoản vay này đã đến hạn nhưng chưa được thanh toán và chịu lãi suất hiện tại từ 2,3% đến 6,5%/năm – Xem thêm mục 4.4.

#### 4.12 Vốn chủ sở hữu

##### 4.12.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	50.000.000.000	(188.100.000)	(57.685.516.499)	(7.873.616.499)
Lỗ trong năm trước	-	-	(14.834.021.568)	(14.834.021.568)
Tại ngày 01/01/2017	50.000.000.000	(188.100.000)	(72.519.538.067)	(22.707.638.067)
Lỗ trong năm nay	-	-	(8.251.414.703)	(8.251.414.703)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>(188.100.000)</b>	<b>(80.770.952.770)</b>	<b>(30.959.052.770)</b>

##### 4.12.2 Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam  
 Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ  
 Công ty Cổ phần Quý Tín Phát  
 Các cổ đông khác

**Cộng**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
	13.230.000.000	13.230.000.000
	4.410.000.000	4.410.000.000
	4.409.000.000	4.409.000.000
	27.951.000.000	27.951.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

#### 4.12.3 Cổ phiếu

	<u>Tại ngày 31/12/2017</u>	<u>Tại ngày 01/01/2017</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ):	(18.810)	(18.810)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.981.190	4.981.190

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

#### 4.12.4 Lãi/ (lỗ) cơ bản và lãi/ (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm 2017 VND</u>	<u>Năm 2016 VND</u>
Lãi/ (lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	(8.251.414.703)	(14.834.021.568)
Lãi/ (lỗ) sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(8.251.414.703)	(14.834.021.568)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	4.981.190	4.981.190
<b>Lãi/ (lỗ) cơ bản và lãi/ (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(1.657)</b>	<b>(2.978)</b>

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

#### 5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Là doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển.

#### 5.2 Giá vốn hàng bán

Là giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển.

#### 5.3 Chi phí tài chính

	<u>Năm 2017 VND</u>	<u>Năm 2016 VND</u>
Chi phí lãi vay	3.762.236.106	3.918.044.547
Lỗ chênh lệch tỷ giá	13.703.523	2.306.106.719
<b>Cộng</b>	<b>3.775.939.629</b>	<b>6.224.151.266</b>

#### 5.4 Chi phí bán hàng

Là các khoản chi phí hoa hồng về môi giới dịch vụ vận tải biển.

## 5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên	1.927.765.630	1.993.781.978
Chi phí đồ dùng văn phòng	39.228.334	50.603.092
Chi phí khấu hao tài sản cố định	144.713.508	144.713.508
Chi phí dịch vụ mua ngoài	124.735.986	157.901.859
Chi phí khác bằng tiền	620.411.575	805.024.748
<b>Cộng</b>	<b><u>2.856.855.033</u></b>	<b><u>3.152.025.185</u></b>

## 5.6 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.986.903.887	17.651.163.860
Chi phí nhân công	10.705.894.245	10.708.834.840
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.057.818.228	16.057.818.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.878.731.689	13.887.146.448
Chi phí khác bằng tiền	2.475.118.517	3.521.444.304
<b>Cộng</b>	<b><u>47.104.466.566</u></b>	<b><u>61.826.407.680</u></b>

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### 6.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.195.800.000	1.368.675.000

### 6.2 Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(6.427.956.096)	(13.073.732.480)

## 7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

### Danh sách các bên liên quan

1. Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Công ty TNHH MTV

2. Ông. Nguyễn Hữu Hoàn

### Mối quan hệ

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể

Giám đốc Công ty

Thu nhập của Giám đốc trong năm như sau:

	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>
Thu nhập	315.042.000	309.172.000

## 8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2018*

**CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**

**Giám đốc điều hành**



**NGUYỄN HỮU HOÀN**